

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2020

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu

Bà Đặng Thị Hường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thủy - Kiểm sát viên;

Trong ngày 06 tháng 7 và ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 91/TLST-HNGĐ ngày 02-3-2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-5-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐ-ST ngày 27-5-2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 12-6-2020, Thông báo tiếp tục tiến hành phiên tòa số 01/TB-TA ngày 19-6-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982,

ĐKKHKT và trú tại: thôn Th, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Văn V, sinh năm 1974,

ĐKKHKT: số A tổ B khu 7 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn V tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/01/2003. Trong quá trình chung sống thì chị và anh V sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không quan tâm đến vợ con, từ năm 2008 anh chị không chung sống cùng nhau, năm 2008 chị và các con về sinh sống tại xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, anh V thì đi làm ăn và sinh sống tại khu 7 phường Ngọc Châu, TP Hải Dương không sống chung với mẹ con chị, hai bên không liên quan đến kinh tế và tình cảm từ đó đến nay. Năm

2017, chị có đơn đề nghị địa phương nơi anh V sinh sống tổ chức hòa giải, anh V có ký đơn ly hôn và địa phương có tổ chức hòa giải nhưng chị không nộp đơn ra tòa mong anh V về đoàn tụ gia đình, tuy nhiên anh V không về chung sống cùng mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã nhiều năm, một mình chị nuôi các con nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn V.

- Về con chung: Chị và anh Đào Văn V có 03 con chung là Đào Trọng Ng, sinh ngày 20/10/2004, Đào Thị Yến Nh, sinh ngày 24/8/2008, Đào Trọng D, sinh ngày 24/8/2008. Các con đều sinh sống cùng với chị từ nhỏ, theo nguyện vọng của các con được ở với chị. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đào Văn V: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã làm việc với bà Nguyễn Thị Thanh M là mẹ của anh Đào Văn V. Bà M trình bày: Trước khi chị Nguyễn Thị Nh viết đơn ly hôn anh Đào Văn V có thông báo cho gia đình bà và anh V biết. Tuy nhiên, sau khi ăn tết 2020 thì anh V đã đi làm ăn tại TP Hồ Chí Minh hay làm ăn ở đâu đó địa chỉ cụ thể gia đình không biết. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử,... cho anh Đào Văn V, bà đã nhận qua bưu gửi và nhận trực tiếp từ cán bộ Tòa án, bà đã thông báo cho anh V biết nhưng anh V bận công việc không thể về được và không cho biết địa chỉ ở đâu. Quan điểm của anh V: về hôn nhân: Nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Về con chung: Xác định anh và chị Nh có 3 con chung hiện đang ở với chị Nh và đề nghị giải quyết theo yêu cầu của chị Nh. Bà M xác định tên con trai bà là Đào Văn V, không có tên khác là Đào Trọng V.

Theo các tài liệu xác minh tại nơi đăng hộ khẩu thường trú của anh Đào Văn V thể hiện: Qua tìm hiểu tại gia đình anh V thì anh V đi làm ăn và có mặt tại địa phương, sau khi ăn tết năm 2020 anh V đi làm ăn xa địa chỉ cụ thể không biết ở đâu. Năm 2017, địa phương đã tổ chức hòa giải theo đề nghị của chị Nh và anh V. Anh V, chị Nh đã trình bày rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đồng thuận ly hôn.

Theo các tài liệu xác minh tại ĐHKHKT và cư trú của chị Nguyễn Thị Nh thể hiện: Anh Đào Văn V và chị Nguyễn Thị Nh đăng ký kết hôn tại địa phương xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhưng anh V không sinh sống tại địa phương,

thời gian từ năm 2017 đến nay cũng không thấy anh V sinh sống tại gia đình và địa phương. Gia đình không rõ mâu thuẫn giữa chị Nh và anh V mà thấy anh V không về chung sống cùng chị Nh và các con.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị Nh khởi kiện xin ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án (tháng 2/2020) thì anh Đào Văn V không còn cư trú, sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú nên Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ xác định anh Đào Văn V đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án, chưa đủ căn cứ chứng minh anh V biết việc chị Nh xin ly hôn nhưng cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa, chị Nh không cung cấp địa chỉ mới của bị đơn và không yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án Đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn anh Đào Văn V có hộ khẩu thường trú số A tổ B khu 7 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Theo kết quả xác minh tại địa phương, gia đình và tài liệu chị Nh cung cấp thể hiện: “Anh Đào Văn V có hộ khẩu thường trú số A tổ B khu 7 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nhưng hiện anh V không có mặt tại địa phương và không biết địa chỉ thay đổi vì khi đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết”. Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện nay anh V đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú đã ghi là tại số A tổ B khu 7 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn anh Đào Văn V đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Văn V.

Bị đơn anh Đào Văn V không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/01/2003. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình chung sống thì giữa chị Nh và anh V có mâu thuẫn, anh V đi làm ăn không về chung sống cùng chị và các con từ năm 2008 đến nay. Năm 2017 theo đơn đề nghị của chị Nh, anh V, tại tổ dân cư số B khu 7 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã tổ chức hòa giải vào ngày 10/2/2017 anh V, chị Nh trình bày rõ mâu thuẫn vợ chồng (BL 17) và chị Nh không nộp đơn ly hôn tại Tòa án mong vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay anh V không về chung sống cùng chị Nh, mỗi người sống và làm việc một nơi, đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai về kinh tế cũng như tình cảm. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Đào Văn V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2 Về quan hệ con chung: Theo chị Nguyễn Thị Nh trình bày, trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V có 03 con chung là

Đào Trọng Ng, sinh ngày 20/10/2004, Đào Thị Yến Nh, sinh ngày 24/8/2008, Đào Trọng D, sinh ngày 24/8/2008. Thông qua bà Nguyễn Thị Thanh M mẹ đẻ anh Đào Văn V: anh V cũng xác định có 03 con chung và Tòa án tiến hành làm việc với bà M, bà M xác định anh V và chị Nh có 3 con chung như chị Nh trình bày là đúng. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Từ khi anh V và chị Nh không chung sống cùng nhau và hiện nay các con chung đang sống cùng với chị Nh, nguyện vọng của các con chung được sinh sống cùng mẹ, còn anh V hiện không có mặt ở địa phương. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giao các con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Nên yêu cầu về nuôi con của chị Nh được chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do chị Nguyễn Thị Nh không có yêu cầu.

3.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nh trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 96; Điều 97; Điều 226; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Đào Văn V có 03 con chung. Giao 03 con chung là Đào Trọng Ng, sinh ngày 20/10/2004, Đào Thị Yến Nh, sinh ngày 24/8/2008, Đào Trọng D, sinh ngày 24/8/2008 cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do chị Nguyễn Thị Nh không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0000957 ngày 25-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Nh đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử tuyên án vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện Yên Mỹ,
tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu

